

QUY CHẾ
BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Tổng công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam;

Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") bất thường năm 2025 của Tổng công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam ("Tổng công ty") tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT") và Ban kiểm soát ("BKS") nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo các quy định sau:

Điều 1. Quy định chung

1.1 Mục đích

Quy chế này quy định các nội dung và phương thức tiến hành bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 của Tổng công ty.

1.2 Yêu cầu

Bầu cử công khai, bình đẳng theo đúng pháp luật, đúng Điều lệ, đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông.

1.3 Đối tượng có quyền bầu cử

Các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có tên trong Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng 09/10/2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp hợp lệ.

1.4 Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến nội dung bầu thành viên HĐQT và BKS

- Căn cứ Điều 20 Điều lệ, tất cả các vấn đề liên quan đến nội dung bầu thành viên HĐQT và BKS chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại đại hội biểu quyết tán thành.
- Các vấn đề ĐHĐCĐ phải thông qua đối với nội dung bầu thành viên HĐQT và BKS gồm:
 - + Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và BKS.
 - + Thông qua số lượng thành viên HĐQT và BKS.
 - + Thông qua danh sách ứng cử, đề cử ứng viên bầu vào HĐQT và BKS.

Điều 2. Số lượng, điều kiện, tiêu chuẩn và quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

2.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự kiến 05 thành viên. Số lượng cụ thể do ĐHĐCĐ quyết định.

2.2. Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị:

Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị là 05 năm.

2.3. Điều kiện và tiêu chuẩn đối với thành viên HĐQT:

Căn cứ Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 27 Điều lệ, thành viên HĐQT phải có những tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng không được phép quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt;
- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người không nắm giữ cổ phần của Tổng công ty nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty.

2.4. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

Căn cứ khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 24 Điều lệ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 10% được đề cử 01 ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% được đề cử 02 ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Điều 3. Số lượng, điều kiện, tiêu chuẩn và quyền đề cử, ứng cử thành viên BKS

3.1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên Ban kiểm soát dự kiến 03 thành viên. Số lượng cụ thể do ĐHĐCĐ quyết định.

3.2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát:

Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3.3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với kiểm soát viên

Căn cứ Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 36 Điều lệ, thành viên BKS là người thỏa mãn những tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng không được phép quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty;
- Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
- Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

3.4. Quyền đề cử, ứng cử thành viên BKS

Căn cứ khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 36 Điều lệ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát theo quy định sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% được đề cử 01 ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% được đề cử 02 ứng viên.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Điều 4. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS

Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS gồm:

1. Đơn đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Mẫu 01).
2. Đơn ứng cử tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Mẫu 02).
3. Sơ yếu lý lịch (Mẫu 03).
4. Bản sao các giấy tờ: căn cước công dân; bằng cấp về trình độ chuyên môn; các văn bản khác chứng minh ứng cử viên có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 5. Lựa chọn ứng cử viên

- 5.1. Dựa trên các đơn ứng cử, đề cử của cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ của các ứng cử viên kèm theo, Ban tổ chức đại hội sẽ thẩm định và lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, trình ĐHĐCĐ thông qua tại đại hội;
- 5.2. Do yêu cầu thẩm định tiêu chuẩn ứng viên và điều kiện về quyền đề cử, ứng cử của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, ĐHĐCĐ không chấp nhận đơn đề cử, ứng cử gửi đến Ban tổ chức muộn hơn quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này; không chấp nhận đề cử, ứng cử tại đại hội;
- 5.3. Chỉ những hồ sơ ứng cử, đề cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại đại hội;
- 5.4. Các khiếu nại về kết quả thẩm định của Ban tổ chức có thể được trình bày tại đại hội và do ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 6. Phương thức bầu cử

- 6.1. Căn cứ khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, việc bầu thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín tại đại hội và theo phương thức bầu dồn phiếu;
- 6.2. Việc bầu cử chỉ được tiến hành sau khi ĐHĐCĐ thông qua: Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và BKS; Số lượng thành viên của HĐQT và BKS và Danh sách đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT và BKS;
- 6.3. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số lượng thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS. Tổng số phiếu bầu của cổ đông được xác định như sau:
 - i) Phiếu bầu thành viên HĐQT:

Tổng số phiếu được quyền bầu	=	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	x	Số thành viên được bầu của HĐQT
---------------------------------	---	--	---	------------------------------------
 - ii) Phiếu bầu thành viên BKS:

Tổng số phiếu được quyền bầu	=	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	x	Số kiểm soát viên được bầu của BKS
---------------------------------	---	--	---	---------------------------------------
- 6.4. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 7. Cách thức tiến hành bầu cử

7.1. Phiếu bầu:

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp phải sử dụng Phiếu bầu cử theo mẫu in sẵn của Ban tổ chức, có đóng dấu tròn của Tổng công ty;
- Mỗi cổ đông/người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một Phiếu bầu cử thành viên HĐQT và một Phiếu bầu cử thành viên BKS ("Phiếu bầu cử"), trên đó ghi sẵn các thông tin:
 - + Họ và tên cổ đông;
 - + Số đăng ký sở hữu;
 - + Số cổ phần sở hữu;
 - + Số lượng thành viên được bầu của HĐQT;
 - + Tổng số phiếu được quyền bầu;
 - + Danh sách các ứng cử viên được đề cử bầu vào HĐQT, BKS;
 - + Số phiếu bầu (cho các ứng viên).
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu để đổi phiếu bầu khác.

7.2. Cách ghi phiếu bầu:

- Cổ đông ghi rõ số lượng phiếu bầu vào cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên cổ đông lựa chọn.
- Cổ đông có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho bất cứ ứng cử viên nào (phiếu trắng). Số lượng ứng cử viên tối đa có thể bầu không được vượt quá số lượng người được bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát mà đại hội thông qua.
- Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu cổ đông được quyền bầu.

Ví dụ: ĐHĐCĐ thông qua số lượng thành viên của HĐQT là 05 người. Danh sách ứng cử viên được đại hội thông qua là 07 ứng cử viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ 100.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó, tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ là: $(100.000 \times 5) = 500.000$ phiếu bầu.

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo các cách sau:

- + Dồn hết 500.000 phiếu bầu cho 01 ứng cử viên thành viên HĐQT.
- + Chia 500.000 phiếu bầu cho các ứng cử viên (tối đa 05 ứng cử viên). Theo đó, mỗi ứng cử viên mà cổ đông lựa chọn sẽ nhận được số phiếu bầu nhất định, nhưng tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên đó không được vượt quá 500.000 phiếu.
- + Cổ đông A cũng có thể bỏ phiếu trắng (không bầu cho bất cứ ứng cử viên nào trong danh sách ứng đề cử, ứng cử đại hội đã thông qua).
- Trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện phiếu bầu chưa được bỏ vào hòm phiếu, thì có thể đề nghị Ban kiểm phiếu đổi lại Phiếu bầu cử.

7.3. Tính hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu được coi là HỢP LỆ khi:
 - + Sử dụng phiếu bầu do Ban tổ chức phát hành và có đóng dấu tròn của Tổng công ty;
 - + Bầu cho những ứng viên HĐQT hoặc BKS có tên trong danh sách đề cử, ứng cử đã được đại hội thông qua;

- + Phiếu bầu cử không bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;
- + Phiếu bầu không thuộc các trường hợp quy định tại điểm b dưới đây.
- Phiếu bầu được coi là **KHÔNG HỢP LỆ** khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - + Phiếu không phải mẫu do Ban tổ chức đại hội phát ra;
 - + Phiếu bầu cử không đóng dấu tròn của Tổng công ty;
 - + Phiếu bầu cử bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng cử viên không có trong danh sách đề cử, ứng cử đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - + Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu cổ đông hoặc người được ủy quyền được quyền bầu;
 - + Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT và BKS được bầu;
 - + Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
 - + Phiếu bầu cử nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.
- Các Phiếu bầu cử không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử.

Điều 8. Tổ chức và giám sát bầu cử

- 8.1. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ tổ chức bầu cử, kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu;
- 8.2. Ban kiểm phiếu bao gồm 01 trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa đề cử tại đại hội và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty nhưng không phải là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào HĐQT và BKS.
- 8.3. Ban Kiểm phiếu có một số trách nhiệm chính sau:
 - Tóm tắt quy định về bầu cử;
 - Phát phiếu bầu cử;
 - Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu;
 - Tổ chức kiểm phiếu;
 - Lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước đại hội;
 - Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Chủ tọa;

Điều 9. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- 9.1. Trước khi bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban Kiểm phiếu giám sát;
- 9.2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- 9.3. Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu được niêm phong;
- 9.4. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước đại hội.

Điều 10. Nguyên tắc xác định kết quả kiểm phiếu

- 10.1. Số người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên mà ĐHĐCĐ đã biểu quyết.
- 10.2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Người trúng cử sẽ là người có số phiếu bầu cao hơn.
- 10.3. Nếu bầu cử không đủ số thành viên HĐQT và/hoặc BKS thì đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những ứng cử viên còn lại.
- 10.4. Nếu sau khi bầu lần 2 vẫn chưa đủ thì đại hội sẽ biểu quyết bầu lại lần 3 hoặc để khuyết thành viên HĐQT hoặc BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp đại hội tiếp theo theo quyết định của Chủ tọa đại hội.

Điều 11. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu, thông qua kết quả kiểm phiếu

- 11.1. Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành, Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước đại hội;
- 11.2. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và phải được ghi nhận vào Biên bản và Nghị quyết của đại hội.

Điều 12. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này gồm 12 điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI